TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN L** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 299/2024/QĐST-HNGĐ	*L, ny 29 tháng 7 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 256/2024/TLST–HNGĐ ny 08 tháng 7 năm 2024, về việc: Ly hôn, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị N, sinh năm 1978; địa chỉ: Số 372 X, xã T, huyện L, thành phố Hà Nội.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn H, sinh năm 1978; địa chỉ: Số 372 X, xã T, huyện L, thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ny 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án và Danh mục án phí, lệ phí Toà án kèm theo;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ny 20 tháng 7 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ny 20 tháng 7 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ny, kể từ ny lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Trần Thị N và anh Nguyễn H.

2. Công nhận sự thoả thuận của chị Trần Thị N và anh Nguyễn H, cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Chị N và anh Hà cùng xác định anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Trần N, sinh ny 10/12/2008 và cháu Nguyễn Trần Duy F, sinh ny 01/02/2011.

Giao cháu Nguyễn Trần N và cháu Nguyễn Trần Duy F cho chị Trần Thị N là mẹ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung; tạm hoãn nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con của anh Hà đến khi cháu N, cháu F trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác về nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Không ai được ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

2.2. Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Chị N và anh Hà không yêu cầu Toà án giải quyết, nên Tòa án không xét.

2.3. Về án phí: Ghi nhận sự tự nguyện của chị N chịu 150.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị N đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí ký hiệu: BLTU/23 số 0004294 ny 03 tháng 7 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L. Hoàn trả chị Trần Thị N số tiền 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Lê Việt Phương

Nơi nhận:
- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
-UBND xã T (GCNKH số 66 quyển 01/2008);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.